

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014  
(Đã được soát xét)

## NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính	04
Báo cáo tài chính đã được soát xét	05-33
Bảng cân đối kế toán	05-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11-33



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu tiền thân là doanh nghiệp nhà nước được chuyển thành công ty cổ phần theo Quyết định số 132/1999/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 063343 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 10 năm 1999 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301830116 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ mười một ngày 26 tháng 4 năm 2012.

Trụ sở chính của Công ty: 446 Nơ Trang Long, P.13, Q. Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Quang Kiên	Chủ tịch
Ông Trịnh Bá Bộ	Phó Chủ tịch
Ông Howang Yu Nam	Phó Chủ tịch
Ông Đoàn Đắc Học	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đoàn Đắc Học	Giám đốc
Bà Dương Thị Bạch Xuyên	Phó Giám đốc
Ông Đào Quốc Hưng	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Lê Huy Hiệp	Trưởng ban
Ông Nguyễn Duy Hải	Thành viên
Bà Nguyễn Hoàng Ngọc Phượng	Thành viên

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

10111  
CHI  
CÔNG  
HÃNG  
4V BÍN

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính

### Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



**Đoàn Đắc Học**

Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2014

105  
NHÀ  
CƠ KHÍ XĂNG DẦU  
KIỂM  
KIỂM  
IAS  
T.P.

Số: 326 /2014/BC.SXTC-AASC.HCM

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng Dầu**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng Dầu tại ngày 30/06/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

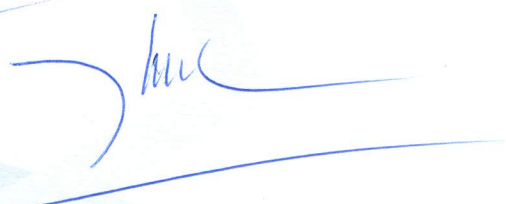
Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



**Bùi Văn Thảo**  
Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 0522-13-002-1  
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2014



**Trần Trung Hiếu**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 2202-2013-002-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>150.712.816.631</b>	<b>122.340.450.338</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	3	<b>23.440.883.899</b>	<b>12.423.091.341</b>
111	1. Tiền		17.338.372.468	9.423.091.341
112	2. Các khoản tương đương tiền		6.102.511.431	3.000.000.000
120	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	4	<b>79.942.400</b>	<b>79.942.400</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn		664.805.451	664.805.451
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(584.863.051)	(584.863.051)
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>58.221.891.854</b>	<b>64.261.173.440</b>
131	1. Phải thu của khách hàng		47.646.510.770	55.362.669.662
132	2. Trả trước cho người bán		6.884.675.789	7.194.051.994
135	5. Các khoản phải thu khác	5	6.592.884.119	4.292.877.657
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(2.902.178.824)	(2.588.425.873)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	6	<b>65.796.385.326</b>	<b>43.789.030.898</b>
141	1. Hàng tồn kho		65.796.385.326	43.789.030.898
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>3.173.713.152</b>	<b>1.787.212.259</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		934.086.789	42.070.449
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		1.174.679.322	25.072.342
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	7	219.090.973	7.278.456
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	8	845.856.068	1.712.791.012
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>46.639.091.237</b>	<b>47.485.912.455</b>
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>12.445.410.955</b>	<b>12.486.722.564</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	8.262.233.709	8.258.090.773
222	- Nguyên giá		45.508.993.918	44.491.423.918
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(37.246.760.209)	(36.233.333.145)
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	-	-
228	- Nguyên giá		220.000.000	220.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(220.000.000)	(220.000.000)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	4.183.177.246	4.228.631.791
240	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	12	<b>21.491.148.643</b>	<b>21.748.315.967</b>
241	- Nguyên giá		23.145.059.192	23.145.059.192
242	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.653.910.549)	(1.396.743.225)
250	<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	13	<b>11.037.210.441</b>	<b>11.037.210.441</b>
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		11.037.210.441	11.037.210.441
260	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>1.665.321.198</b>	<b>2.213.663.483</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	412.012.123	960.706.061
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	26.2	3.309.075	2.957.422
268	3. Tài sản dài hạn khác		1.250.000.000	1.250.000.000
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>197.351.907.868</b>	<b>169.826.362.793</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
			VND	VND
300	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>80.664.432.643</b>	<b>52.525.782.085</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>79.156.315.012</b>	<b>51.017.664.454</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	15	1.635.043.389	-
312	2. Phải trả người bán		32.549.371.700	15.593.066.007
313	3. Người mua trả tiền trước		32.279.986.892	17.914.692.152
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	849.499.356	2.521.481.051
315	5. Phải trả người lao động		2.525.738.240	1.674.393.727
316	6. Chi phí phải trả	17	5.527.945.676	8.622.199.593
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	18	3.556.571.748	4.676.323.905
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		232.158.011	15.508.019
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>1.508.117.631</b>	<b>1.508.117.631</b>
333	3. Phải trả dài hạn khác		650.000.000	650.000.000
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn		858.117.631	858.117.631
400	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>116.687.475.225</b>	<b>117.300.580.708</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	19	<b>116.687.475.225</b>	<b>117.300.580.708</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		72.276.620.000	72.276.620.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		25.425.165.374	25.425.165.374
414	4. Cổ phiếu quỹ		(343.472.600)	(343.472.600)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		10.274.521.467	10.274.521.467
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		4.637.707.655	4.313.742.981
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		4.416.933.329	5.354.003.486
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>197.351.907.868</b>	<b>169.826.362.793</b>

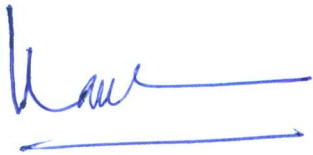
CHÍNH  
CÔNG  
ANG V  
A  
BÌNH

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Chỉ tiêu	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	-	146.276.000
4. Nợ khó đòi đã xử lý	914.584.016	914.584.016
5. Ngoại tệ các loại		
- Đồng Dollar Mỹ (USD)	113.539,04	66.285,83

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2014

Người lập



Trần Văn Phúc

Kế toán trưởng

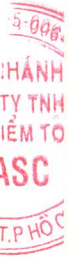


Hồ Trí Lượng

Giám đốc



Đoàn Đắc Học





## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2014	2013
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		390.504.307.461	346.888.772.932
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	390.504.307.461	346.888.772.932
11	4. Giá vốn hàng bán	21	370.193.933.940	327.307.030.065
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		20.310.373.521	19.581.742.867
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	779.095.863	708.031.159
22	7. Chi phí tài chính	23	57.591.470	640.870.462
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		54.000.000	638.349.594
24	8. Chi phí bán hàng	24	5.760.234.972	6.629.499.455
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	9.056.989.817	9.218.655.377
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		6.214.653.125	3.800.748.732
31	11. Thu nhập khác		4.088	151.356.194
32	12. Chi phí khác		44.192	4.624
40	13. Lợi nhuận khác		(40.104)	151.351.570
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		6.214.613.021	3.952.100.302
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26.1	1.257.211.345	913.025.076
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	26.2	(351.653)	936.393
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>4.957.753.329</u>	<u>3.038.138.833</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	627	356

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2014

Người lập

Trần Văn Phúc

Kế toán trưởng

Hồ Trí Lượng

Giám đốc

Đoàn Đắc Học

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2014	2013
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		390.504.307.461	346.888.772.932
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	390.504.307.461	346.888.772.932
11	4. Giá vốn hàng bán	21	370.193.933.940	327.307.030.065
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		20.310.373.521	19.581.742.867
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	779.095.863	708.031.159
22	7. Chi phí tài chính	23	57.591.470	640.870.462
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		54.000.000	638.349.594
24	8. Chi phí bán hàng	24	5.760.234.972	6.629.499.455
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	9.056.989.817	9.218.655.377
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		6.214.653.125	3.800.748.732
31	11. Thu nhập khác		4.088	151.356.194
32	12. Chi phí khác		44.192	4.624
40	13. Lợi nhuận khác		(40.104)	151.351.570
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		6.214.613.021	3.952.100.302
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26.1	1.257.211.345	913.025.076
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	26.2	(351.653)	936.393
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>4.957.753.329</u>	<u>3.038.138.833</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	627	356

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2014

Người lập

Trần Văn Phúc

Kế toán trưởng

Hồ Trí Lượng

Giám đốc

Đoàn Đắc Học

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2014	2013
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		6.214.613.021	3.952.100.302
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	Khấu hao tài sản cố định		1.270.594.388	1.366.712.077
03	Các khoản dự phòng		313.752.951	-
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(13.056.990)	-
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(677.719.062)	(348.247.772)
06	Chi phí lãi vay		54.000.000	638.349.594
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		7.162.184.308	5.608.914.201
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		4.009.098.135	(2.083.465.646)
10	Tăng, giảm hàng tồn kho		(22.007.354.428)	4.735.023.711
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		26.424.520.539	(7.986.215.179)
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		(343.322.402)	(1.043.419.200)
13	Tiền lãi vay đã trả		(54.000.000)	(638.349.594)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.558.432.632)	-
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		587.976.748	-
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.312.502.820)	(2.115.096.465)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		12.908.167.448	(3.522.608.172)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(972.115.455)	(359.500.000)
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.311.688.261	53.508.254
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		339.572.806	(305.991.746)



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2014	2013
			VND	VND
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		16.635.043.389	47.803.686.921
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(15.000.000.000)	(40.702.526.091)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(3.878.048.075)	(2.346.662.900)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(2.243.004.686)</i>	<i>4.754.497.930</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		11.004.735.568	925.898.012
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		12.423.091.341	7.601.903.818
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		13.056.990	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>23.440.883.899</u>	<u>8.527.801.830</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2014

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Trần Văn Phúc

Hồ Trí Lượng

Đoàn Đắc Học

111  
 CHINH  
 NG K  
 AI  
 TINH-

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

### 1. THÔNG TIN CHUNG

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu tiền thân là doanh nghiệp nhà nước được chuyển thành công ty cổ phần theo Quyết định số 132/1999/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 063343 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 10 năm 1999 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301830116 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ mười một ngày 26 tháng 4 năm 2012.

Trụ sở chính của Công ty: 446 Nơ Trang Long, P.13, Q. Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là 72.276.620.000 đồng tương đương 7.227.662 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

#### Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên công ty	Địa chỉ
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cơ Khí Xăng Dầu - Cửa hàng bán lẻ Xăng dầu Tân Bình Kim Hương	Cụm công nghiệp Tân Bình, Xã Tân Bình, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cơ Khí Xăng Dầu - Cửa hàng bán lẻ Xăng dầu Thăng Lợi	Đường Xuyên Á, Ấp Tân Hòa, Xã Đông Hòa, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
- Cửa hàng bán lẻ Xăng dầu Thủ Đức	610 Xa lộ Đại Hàn, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
- Cửa hàng bán lẻ Xăng dầu Bạch Đằng	469 Bạch Đằng, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh
- Cửa hàng bán lẻ Xăng dầu Chiến Thắng	2A/7172 ấp 2 Xã Phạm Văn Hai, Huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Hoạt động kinh doanh của các chi nhánh và cửa hàng: Kinh doanh xăng dầu

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty gồm:

- Bán buôn dụng cụ, thiết bị phòng cháy, chữa cháy; thiết bị cứu hộ, cứu sinh. Kinh doanh vật tư, thiết bị Xăng dầu, kinh doanh cơ khí bao bì. Bán buôn dụng cụ, thiết bị phòng cháy chữa cháy; thiết bị cứu hộ, cứu sinh;
- Cải tạo xe chuyên dùng. Sửa chữa xe bồn các loại. Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ;
- Kinh doanh vận tải Xăng dầu bằng đường bộ. Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô;
- Sản xuất, kinh doanh cơ khí bao bì. Đóng mới, sửa chữa bồn bể;
- Sản xuất xe có động cơ: xe bồn (trừ thiết kế phương tiện vận tải và chỉ đóng mới, sửa chữa và lắp đặt bồn, bể, thùng lên phương tiện có sẵn động cơ);
- Đóng mới và sửa chữa tàu, xà lan và các sản phẩm cơ khí khác;
- Thi công lắp đặt hệ thống xử lý nước thải;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công nghiệp;
- Mua bán ô tô vận tải chuyên dùng;
- Mua bán Xăng, dầu;

- Kinh doanh bất động sản. Đầu tư xây dựng, cho thuê hạ tầng cơ sở khu công nghiệp, trung tâm thương mại;
- Đại lý bán lẻ Xăng dầu;
- Xuất nhập khẩu nguyên liệu, thiết bị vật tư phục vụ cho sản xuất kinh doanh;
- Thi công lắp đặt hệ thống đường ống áp lực, hệ thống phòng cháy, chữa cháy;
- Sản xuất thiết bị cứu hộ, cứu sinh (không hoạt động tại trụ sở).

## 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### *Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

### 2.3 . Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

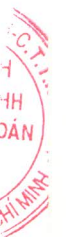
Trong báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ.

### 2.4 . Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

#### *Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.



#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu

### 2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 2.6 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

### 2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

### 2.8 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	02 năm

### 2.9 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính 45 năm.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu

### 2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 2.6 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

### 2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

### 2.8 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	02 năm

### 2.9 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính 45 năm.



## 2.10 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE); nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) tại ngày lập dự phòng hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.
- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế khác: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính của tổ chức kinh tế khác.

## 2.11 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

## 2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## 2.13 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

#### 2.14 . Các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

#### 2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

#### 2.16 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán

#### 2.17 . Ghi nhận doanh thu

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

1110  
CHI NI  
NG T  
NG KIẾ  
AA  
NH - T.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

#### *Doanh thu hợp đồng xây dựng*

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo khối lượng phần công việc đã hoàn thành tại một thời điểm so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng.

## **2.18 . Ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## **2.19 . Các khoản thuế**

#### *Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

006  
ÁNH  
Y TNHH  
M TOJ  
SC  
PHỔ CỐ

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	391.592.500	447.231.000
Tiền gửi ngân hàng	16.946.779.968	8.975.860.341
Các khoản tương đương tiền <sup>(*)</sup>	6.102.511.431	3.000.000.000
	<b>23.440.883.899</b>	<b>12.423.091.341</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex - Chi nhánh Sài Gòn với lãi suất 6%/năm.

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn <sup>(1)</sup>	309.805.451	309.805.451
Đầu tư ngắn hạn khác <sup>(2)</sup>	355.000.000	355.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn <sup>(3)</sup>	(584.863.051)	(584.863.051)
	<b>79.942.400</b>	<b>79.942.400</b>

<sup>(1)</sup> Chi tiết Chứng khoán đầu tư ngắn hạn:

Mã chứng khoán	30/06/2014		01/01/2014	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
	Cổ phiếu	VND	Cổ phiếu	VND
CMG	3.360	306.000.000	3.360	306.000.000
REE	10	345.950	10	345.950
SD9	100	3.459.501	110	3.459.501
		<b>309.805.451</b>		<b>309.805.451</b>

<sup>(2)</sup> Khoản đầu tư cổ phiếu OTC vào Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi số lượng 5.000 cổ phiếu.

<sup>(3)</sup> Chi tiết dự phòng đầu tư ngắn hạn

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Công Nghệ (CMG) <sup>(3.1)</sup>	(290.880.000)	(290.880.000)
Cổ phiếu Công ty Chế Biến Thủy Sản Út Xi <sup>(3.2)</sup>	(293.983.051)	(293.983.051)
	<b>(584.863.051)</b>	<b>(584.863.051)</b>

Cơ sở trích lập dự phòng:

<sup>(3.1)</sup> Giá đóng cửa tại ngày 30/06/2014 của mã cổ phiếu CMG niêm yết trên sàn HOSE.

<sup>(3.2)</sup> Cơ sở trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán của Công ty Chế biến Thủy sản Út Xi.

**5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu các cửa hàng KD xăng dầu về tiền bán hàng	3.820.230.722	1.830.235.891
Phải thu về cổ tức từ Công ty TNHH Cơ khí Gas P.M.G	500.000.000	1.133.969.199
Phải thu về thuế TNCN	288.265.224	210.601.817
Phải thu các đội về tiền thi công công trình	1.819.767.482	1.081.571.689
Phải thu khác	164.620.691	36.499.061
	<b>6.592.884.119</b>	<b>4.292.877.657</b>

**6 . HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	26.819.102.986	24.933.653.674
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	11.575.118.423	8.070.974.965
Thành phẩm	18.902.997.523	6.203.131.477
Hàng hoá	8.499.166.394	4.581.270.782
	<b>65.796.385.326</b>	<b>43.789.030.898</b>

Hàng tồn kho được thế chấp đảm bảo các khoản vay theo Hợp đồng thế chấp số VNMCDT080104/MS ngày 22/05/2012 tại Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC (Việt Nam) với giá trị từng thời điểm không thấp hơn 29 tỷ đồng.

**7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	7.278.456
Thuế Thu nhập cá nhân	219.090.973	-
	<b>219.090.973</b>	<b>7.278.456</b>

**8 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	845.856.068	1.124.814.264
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	587.976.748
	<b>845.856.068</b>	<b>1.712.791.012</b>

**9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ	7.521.640.589	29.105.221.457	7.671.758.262	192.803.610	44.491.423.918
Số tăng trong kỳ	-	1.017.570.000	-	-	1.017.570.000
- Mua sắm mới		1.017.570.000			1.017.570.000
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>7.521.640.589</b>	<b>30.122.791.457</b>	<b>7.671.758.262</b>	<b>192.803.610</b>	<b>45.508.993.918</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	4.693.322.308	25.291.182.293	6.158.718.412	90.110.132	36.233.333.145
Số tăng trong kỳ	236.286.186	432.601.945	324.427.092	20.111.841	1.013.427.064
- Khấu hao trong kỳ	236.286.186	432.601.945	324.427.092	20.111.841	1.013.427.064
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>4.929.608.494</b>	<b>25.723.784.238</b>	<b>6.483.145.504</b>	<b>110.221.973</b>	<b>37.246.760.209</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu kỳ	2.828.318.281	3.814.039.164	1.513.039.850	102.693.478	8.258.090.773
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>2.592.032.095</b>	<b>4.399.007.219</b>	<b>1.188.612.758</b>	<b>82.581.637</b>	<b>8.262.233.709</b>

Trùng đó

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 23.234.015.810 đồng.

**10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình là phần mềm kế toán có nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế tại ngày 30/06/2014 là 220.000.000 đồng.

**11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>		
- Dự án 446 Nơ Trang Long <sup>(1)</sup>	943.085.428	988.539.973
- Dự án nhà xưởng Nhà Bè <sup>(2)</sup>	3.240.091.818	3.240.091.818
	<b>4.183.177.246</b>	<b>4.228.631.791</b>

<sup>(1)</sup> Đây là dự án xây dựng Trung tâm thương mại và khu nhà cao tầng tại địa chỉ số 446 Nơ Trang Long, phường 13 quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh. Các khoản chi phí đã phát sinh lũy kế đến 30/06/2014 là các khoản chi phí tư vấn, thiết kế ban đầu của dự án. Hiện nay Công ty đang trong thời gian xin UBND TP.HCM hồ sơ pháp lý để thực hiện dự án. Trong năm 2013, do yếu tố khách quan nên Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu ("PMS") và Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư & Thiết kế xây dựng CDCo ("CDCo") không thể thực hiện tiếp các điều khoản trong hợp đồng về việc tư vấn thiết kế dự án, hai bên đã thanh lý hợp đồng với khối lượng thực hiện là 270 triệu đồng/450 triệu đồng. PMS đã xuất hóa đơn chi phí cho CDCo, giá trị CDCo phải hoàn trả lại cho PMS và ghi giảm giá trị chi phí xây dựng cơ bản dở dang lũy kế đến 30/06/2014 là 110 triệu đồng bao gồm thuế GTGT.

<sup>(2)</sup> Dự án Nhà xưởng Nhà Bè hiện nay đang tạm dừng thực hiện, các khoản chi phí đã đầu tư lũy kế đến 30/06/2014 là 3,24 tỷ đồng chủ yếu là các khoản chi phí đo vẽ, dò phá bom mìn và san lấp mặt bằng.

**12 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Quyền sử dụng đất	Cộng
	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu kỳ	23.145.059.192	23.145.059.192
Số tăng trong kỳ		-
Số giảm trong kỳ		-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>23.145.059.192</b>	<b>23.145.059.192</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu kỳ	1.396.743.225	1.396.743.225
Số tăng trong kỳ	257.167.324	257.167.324
- Trích khấu hao	257.167.324	257.167.324
Số giảm trong kỳ		-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.653.910.549</b>	<b>1.653.910.549</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số dư đầu kỳ	21.748.315.967	21.748.315.967
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>21.491.148.643</b>	<b>21.491.148.643</b>

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất với tổng diện tích 37.362,9 m<sup>2</sup> tại Xã Tân Bình, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương. Quyền sử dụng đất có thời hạn sử dụng từ năm 2007 đến 2055. Hiện nay, quyền sử dụng đất đang chờ tăng giá để chuyển nhượng.

**13 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
<b>Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh</b>	<b>11.037.210.441</b>	<b>11.037.210.441</b>
- Công ty TNHH Cơ khí Gas P.M.G	11.037.210.441	11.037.210.441
	<b>11.037.210.441</b>	<b>11.037.210.441</b>

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2014 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Quyền kiểm soát	Hoạt động kinh doanh
Công ty TNHH Cơ khí Gas P.M.G	Thành phố Hồ Chí Minh	49,00%	49,00%	Sản xuất, kinh doanh các loại vật tư, thiết bị, công nghệ ngành gas, xăng dầu, dầu khí.

008-  
 ANH  
 (TNHH)  
 M TOA  
 SC  
 PHỔ CỐ

**14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
Số dư đầu kỳ	960.706.061	584.057.239
Số tăng trong kỳ	-	345.435.451
Số đã kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ	(548.693.938)	(707.673.369)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>412.012.123</b>	<b>221.819.321</b>
<b>Trong đó, chi tiết số dư cuối kỳ bao gồm:</b>		
	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	374.512.123	885.706.061
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	37.500.000	75.000.000
	<b>412.012.123</b>	<b>960.706.061</b>

**15 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>1.635.043.389</b>	-
- Vay ngắn hạn Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam	1.635.043.389	-
	<b>1.635.043.389</b>	-

**Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn**

- Thư đề nghị cung cấp tiện ích chung số VNM CDT 08104- tài khoản vay số CILVNM 407748
- Hạn mức tín dụng: 1.500.000 USD hoặc tương đương VND;
  - Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động;
  - Thời hạn cho vay: 120 ngày;
  - Lãi suất cho vay: 5,5%/ năm;
  - Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thẻ chấp hàng hóa trong kho và thẻ chấp các khoản phải thu.
  - Dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 1.635.043.389 đồng.

**16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	20.992.427	948.874.254
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	828.506.929	1.129.728.216
Thuế Thu nhập cá nhân	-	10.823.568
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	432.055.013
	<b>849.499.356</b>	<b>2.521.481.051</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



**17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Trích trước chi phí thi công các công trình	3.682.414.563	7.402.914.922
Trích trước chi phí tổ chức hội nghị khách hàng	-	330.000.000
Trích trước chi phí nhiên liệu đội vận tải	82.274.373	346.313.069
Chi phí sản xuất phuy, thùng, bồn	149.336.940	-
Chi phí sản xuất xe bồn	1.175.255.000	-
Chi phí phải trả khác	438.664.800	542.971.602
	<b><u>5.527.945.676</u></b>	<b><u>8.622.199.593</u></b>

**18 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	-	647.917.554
Kinh phí công đoàn	76.025.810	119.097.660
Bảo hiểm xã hội	153.633.780	-
Bảo hiểm y tế	42.742.073	10.947.880
Bảo hiểm thất nghiệp	12.628.563	-
Phải trả cổ tức cho cổ đông	1.876.570.525	1.712.912.600
Phải trả bà Nguyễn Thị Hoàng Lan về tiền ứng vốn kinh doanh	966.837.141	1.281.279.107
Phải trả ông Đoàn Đắc Cương về tiền ứng vốn kinh doanh	246.410.017	-
Phải trả các đội về chi phí xây dựng	36.902.547	788.100.726
Phải trả, phải nộp khác	144.821.292	116.068.378
	<b><u>3.556.571.748</u></b>	<b><u>4.676.323.905</u></b>



19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	72.276.620.000	25.425.165.374	(343.472.600)	10.274.521.467	4.014.231.276	5.470.503.700	117.117.569.217
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	3.038.138.833	3.038.138.833
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	299.511.705	(299.511.705)	-
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	(4.321.063.200)	(4.321.063.200)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(607.613.795)	(607.613.795)
Thù lao HĐQT từ LN năm 2012	-	-	-	-	-	(242.315.000)	(242.315.000)
Thù lao HĐQT từ LN năm nay	-	-	-	-	-	(87.500.000)	(87.500.000)
Chia lợi nhuận hợp tác kinh doanh từ lợi nhuận kỳ này (*)	-	-	-	-	-	(471.970.000)	(471.970.000)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>72.276.620.000</b>	<b>25.425.165.374</b>	<b>(343.472.600)</b>	<b>10.274.521.467</b>	<b>4.313.742.981</b>	<b>2.478.668.833</b>	<b>114.425.246.055</b>
Số dư đầu kỳ này	72.276.620.000	25.425.165.374	(343.472.600)	10.274.521.467	4.313.742.981	5.354.003.486	117.300.580.708
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	4.957.753.329	4.957.753.329
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	323.964.674	(323.964.674)	-
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	(3.600.886.000)	(3.600.886.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(1.174.125.812)	(1.174.125.812)
Thù lao HĐQT từ LN năm 2013	-	-	-	-	-	(255.027.000)	(255.027.000)
Thù lao HĐQT từ LN năm 2014	-	-	-	-	-	(100.000.000)	(100.000.000)
Chia lợi nhuận hợp tác kinh doanh từ lợi nhuận kỳ này (*)	-	-	-	-	-	(440.820.000)	(440.820.000)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>72.276.620.000</b>	<b>25.425.165.374</b>	<b>(343.472.600)</b>	<b>10.274.521.467</b>	<b>4.637.707.655</b>	<b>4.416.933.329</b>	<b>116.687.475.225</b>

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2013 trong năm 2014 và chia cổ tức năm 2013 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 ngày 29 tháng 03 năm 2014.

(\*) Đây là khoản lợi nhuận sau thuế phải trả bên hợp tác liên kết kinh doanh (chi tiết xem thuyết minh số 31)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu kỳ	Tỷ lệ
	VND		VND	
Vốn góp Tổng công ty Xăng dầu Việt Nam	33.248.770.000	46,00%	33.248.770.000	46,00%
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Deawon Thủ Đức	16.634.000.000	23,01%	16.634.000.000	23,01%
Vốn góp của các cổ đông khác	22.134.950.000	30,63%	22.134.950.000	30,63%
Cổ phiếu quỹ	258.900.000	0,36%	258.900.000	0,36%
	<b>72.276.620.000</b>	<b>100%</b>	<b>72.276.620.000</b>	<b>100%</b>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	72.276.620.000	72.276.620.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	72.276.620.000	72.276.620.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	3.600.886.000	4.321.063.200

d) Cổ phiếu

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.227.662	7.227.662
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.227.662	7.227.662
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	25.890	25.890
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.201.772	7.201.772
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu		

e) Các quỹ của công ty

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
- Quỹ đầu tư phát triển	10.274.521.467	10.274.521.467
- Quỹ dự phòng tài chính	4.637.707.655	4.313.742.981
	<b>14.912.229.122</b>	<b>14.588.264.448</b>

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.
- Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:
  - + Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh.
  - + Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

20 . DOANH THU THUẬN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	385.573.782.124	342.682.765.770
Doanh thu hợp đồng xây dựng	4.930.525.337	4.206.007.162
	<b>390.504.307.461</b>	<b>346.888.772.932</b>

006  
ÁNH  
TNHI  
M TOI  
30  
HỒ CHÍ MINH

**21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	365.551.646.123	323.372.223.092
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.642.287.817	3.934.806.973
	<b>370.193.933.940</b>	<b>327.307.030.065</b>

**22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	177.719.062	48.247.772
Lãi bán hàng trả chậm tại cửa hàng và các Đại lý	76.872.276	359.783.387
Lợi nhuận được chia từ Công ty TNHH Cơ khí Gas P.M.G	500.000.000	300.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	11.447.535	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	13.056.990	-
	<b>779.095.863</b>	<b>708.031.159</b>

**23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Lãi tiền vay	54.000.000	638.349.594
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	-	2.520.868
Chi phí tài chính khác	3.591.470	-
	<b>57.591.470</b>	<b>640.870.462</b>

**24 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	328.081.101	66.400.752
Chi phí nhân công	820.560.330	495.266.828
Chi phí khấu hao tài sản cố định	307.838.535	458.424.901
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.305.714.356	3.094.740.411
Chi phí khác bằng tiền	1.998.040.650	2.514.666.563
	<b>5.760.234.972</b>	<b>6.629.499.455</b>



**25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	102.351.497	45.248.091
Chi phí nhân công	5.461.867.132	4.666.800.191
Chi phí khấu hao tài sản cố định	203.742.891	251.294.893
Thuế, phí, lệ phí	656.171.067	1.000.000.000
Chi phí dự phòng	313.752.951	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	912.069.293	1.530.984.872
Chi phí khác bằng tiền	1.407.034.986	1.724.327.330
	<b>9.056.989.817</b>	<b>9.218.655.377</b>

**26 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

**26.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.214.613.021	3.952.100.302
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(500.016.000)	(300.000.000)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	(500.016.000)	(300.000.000)
Thu nhập chịu thuế Thu nhập doanh nghiệp	5.714.597.021	3.652.100.302
- Thuế TNDN từ hoạt động sản xuất kinh doanh (thuế suất 25%)	-	913.025.076
- Thuế TNDN từ hoạt động sản xuất kinh doanh (thuế suất 22%)	1.257.211.345	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.257.211.345</b>	<b>913.025.076</b>
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	1.129.728.216	(249.182.580)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(1,558.432.632)	-
<b>Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối kỳ</b>	<b>828.506.929</b>	<b>663.842.496</b>

**26.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Số dư đầu năm	2.957.422	3.032.582
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	3.309.075	2.096.189
Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các kỳ trước	(2.957.422)	(3.032.582)
	<b>3.309.075</b>	<b>2.096.189</b>

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào Báo cáo kết quả kinh doanh</b>		
Chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(3.309.075)	(2.096.189)
Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	2.957.422	3.032.582
	<b>(351.653)</b>	<b>936.393</b>

**27 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	4.957.753.329	3.038.138.833
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(440.820.000)	(471.970.000)
- Lợi nhuận chỉ cho bên hợp tác kinh doanh	(440.820.000)	(471.970.000)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.516.933.329	2.566.168.833
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	7.201.772	7.201.772
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>627</b>	<b>356</b>

**28 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ**

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	363.788.351.009	321.935.780.408
Chi phí nhân công	9.799.971.745	8.471.400.527
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.270.594.388	1.366.712.077
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.852.221.669	5.604.287.082
Chi phí khác bằng tiền	6.300.019.918	5.777.004.803
	<b>385.011.158.729</b>	<b>343.155.184.897</b>

**29 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị ghi sổ kế toán			
	30/06/2014		01/01/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.440.883.899	-	12.423.091.341	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	54.239.394.889	(2.902.178.824)	59.655.547.319	(2.588.425.873)
Đầu tư ngắn hạn	664.805.451	(584.863.051)	664.805.451	(584.863.051)
Đầu tư dài hạn	11.037.210.441	-	11.037.210.441	-
	<b>89.382.294.680</b>	<b>(3.487.041.875)</b>	<b>83.780.654.552</b>	<b>(3.173.288.924)</b>



	Giá trị ghi sổ kế toán	
	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	1.635.043.389	-
Phải trả người bán, phải trả khác	36.755.943.448	20.919.389.912
Chi phí phải trả	5.527.945.676	8.622.199.593
	<b>43.918.932.513</b>	<b>29.541.589.505</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

#### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

##### Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

##### Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

##### Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

#### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)

15-6  
HAI  
CY T  
EM  
SC  
PH

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2014</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.440.883.899	-	-	23.440.883.899
Phải thu khách hàng, phải thu khác	51.337.216.065	-	-	51.337.216.065
Đầu tư ngắn hạn	79.942.400	-	-	79.942.400
Đầu tư dài hạn	-	-	11.037.210.441	11.037.210.441
	<b>74.858.042.364</b>	<b>-</b>	<b>11.037.210.441</b>	<b>85.895.252.805</b>
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.423.091.341	-	-	12.423.091.341
Phải thu khách hàng, phải thu khác	57.067.121.446	-	-	57.067.121.446
Đầu tư ngắn hạn	79.942.400	-	-	79.942.400
Đầu tư dài hạn	-	-	11.037.210.441	11.037.210.441
	<b>69.570.155.187</b>	<b>-</b>	<b>11.037.210.441</b>	<b>80.607.365.628</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2014</b>				
Vay và nợ	1.635.043.389	-	-	1.635.043.389
Phải trả người bán, phải trả khác	36.105.943.448	650.000.000	-	36.755.943.448
Chi phí phải trả	5.527.945.676	-	-	5.527.945.676
	<b>43.268.932.513</b>	<b>650.000.000</b>	<b>-</b>	<b>43.918.932.513</b>
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	20.269.389.912	650.000.000	-	20.919.389.912
Chi phí phải trả	8.622.199.593	-	-	8.622.199.593
	<b>28.891.589.505</b>	<b>650.000.000</b>	<b>-</b>	<b>29.541.589.505</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**30 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

16-C  
 VH  
 NHH  
 TOÁN  
 CHÍ MINH



### 31 . THÔNG TIN KHÁC

Thông tin về các hợp đồng hợp tác kinh doanh:

Công ty ký hợp đồng góp vốn ngày 04 tháng 08 năm 2010 với DNTN Kinh doanh xăng dầu Kim Hương cùng hợp tác kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu tại địa chỉ ấp 1A, xã Long Xuyên, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương, theo hợp đồng:

- DNTN Kim Hương góp bằng khu đất có diện tích 460,3 m<sup>2</sup> tại xã Long Xuyên, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu góp vốn bằng tiền để đầu tư trang thiết bị, xăng dầu phục vụ kinh doanh bán lẻ, Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu sẽ đứng ra quản lý và hạch toán.
- Thời hạn thực hiện hợp đồng: Từ 04/08/2013 đến 30/04/2020;
- Phân chia lợi nhuận sau thuế: lợi nhuận được chia cố định cho DNTN Kim Hương
  - + Từ 03/08/2010 đến 31/05/2012 là 7.000.000 đồng/tháng
  - + Từ 01/06/2012 đến 31/05/2020 mỗi năm tăng 10%
- Hết thời hạn hợp tác, Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu sẽ bàn giao lại tài sản là khu đất cho bên góp vốn.

Năm 2013, Công ty ký hợp đồng liên kết kinh doanh số 04/2013/HĐLKKD ngày 26 tháng 01 năm 2013 với Công ty Cổ phần Công trình Giao thông 610 về việc góp vốn đầu tư kinh doanh bán lẻ xăng dầu. Theo hợp đồng với các điều khoản sau:

- Công ty Cổ phần Công trình Giao thông 610 góp bằng khu đất có diện tích 316 m<sup>2</sup> tại địa chỉ số 982 - Quốc lộ 1A, phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh dùng để xây dựng văn phòng, lắp đặt kinh doanh trạm xăng, Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu góp vốn 1 tỷ đồng để đầu tư trang thiết bị, xăng dầu phục vụ kinh doanh bán lẻ;
- Thời hạn thực hiện hợp đồng: Từ 01/02/2013 đến 31/08/2018;
- Phân chia lợi nhuận sau thuế: Công ty Cổ phần Công trình Giao thông 610 khoán gọn lợi nhuận sau thuế cho Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu, theo đó mỗi tháng Công ty phải trả Công ty Công trình giao thông 610 số tiền lợi nhuận sau thuế là 85 triệu đồng.
- Hết thời hạn hợp tác, Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu sẽ bàn giao lại tài sản là khu đất cho bên góp vốn.

### 32 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Ban Giám đốc của Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà công ty cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

	Thương mại	Sản xuất	Xây dựng	Tổng cộng toàn Doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	385.573.782.124	-	4.930.525.337	390.504.307.461
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20.022.136.001</b>	-	<b>288.237.520</b>	<b>20.310.373.521</b>
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	1.017.570.000	-	1.017.570.000
Tài sản bộ phận	118.807.959.539	-	1.710.352.562	120.518.312.101
Tài sản không phân bổ	-	-	-	76.833.595.767
<b>Tổng tài sản</b>	<b>118.807.959.539</b>	-	<b>1.710.352.562</b>	<b>197.351.907.868</b>
Nợ phải trả của các bộ phận	74.657.108.923	-	1.074.759.452	75.731.868.375
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	4.932.564.268
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>74.657.108.923</b>	-	<b>1.074.759.452</b>	<b>80.664.432.643</b>

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

### 33 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

Mối quan hệ	6 tháng đầu	6 tháng đầu
	năm 2014	năm 2013
	VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ</b>		
- Công ty Xăng dầu Bình Định (*)	579.144.000	-
- Công ty Xăng dầu Long An (*)	256.936.774	-
- Công ty Xăng dầu Cà Mau (*)	1.871.862.360	-
- Công ty Cổ phần Xăng dầu Tiền Giang (*)	229.548.000	-
- Công ty CP Nhiên liệu Bay Petrolimex (*)	248.000.000	-
- Công ty Xăng dầu Quảng Ngãi (*)	245.048.000	-
- Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex (*)	639.900.000	-
- Công ty TNHH Cung ứng Nhựa Đường (*)	5.522.727.273	-
- Chi nhánh Xăng dầu Bình Thuận (*)	220.580.100	-
- Công ty Xăng dầu Sông Bé - TNHH MTV (*)	468.727.692	-
- Chi nhánh Xăng dầu Bình Phước - Công ty XD Sông Bé TNHH (*)	77.792.000	-
- Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu Vitaco (*)	40.000.000	-
- Công ty Liên doanh TNHH kho xăng dầu ngoại quan Văn Phong (*)	9.600.000	-
- Công ty Xăng dầu Phú Khánh (*)	1.158.288.000	21.650.000
- Công ty Xăng dầu Tây Nam Bộ (*)	106.516.000	337.838.741
- Công ty Xăng dầu Bắc Tây Nguyên (*)	734.941.000	587.100.000
- Công ty Xăng dầu Nam Tây Nguyên (*)	5.302.099.115	1.098.146.454
- Công ty TNHH Xăng dầu Lâm Đồng (*)	74.822.000	1.734.693.517
- Công ty Xăng dầu Đồng Tháp (*)	238.016.000	3.120.000.000
- Công ty Xăng dầu Vĩnh Long (*)	2.501.677.657	453.116.838
- Công ty Xăng dầu Bến Tre (*)	626.812.988	149.000.000
- Tổng Công ty hóa dầu Petrolimex - CTCP - Công ty TNHH Hóa chất Sài Gòn (*)	3.619.425.000	186.000.000
- Công ty TNHH Xăng dầu Kiên Giang (*)	1.383.000.000	958.000.000
- Xí Nghiệp Dịch Vụ Xây Lắp & Thương Mại Petrolimex Sài Gòn (*)	701.050.000	229.602.000
- Chi nhánh Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Petrolimex (*)	1.123.148.320	311.654.080
- Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex (*)	193.044.000	99.000.000
- Công ty Cổ phần Thiết bị Xăng dầu Petrolimex (*)	-	92.260.000
- Tổng Công ty hóa dầu Petrolimex - CTCP (*)	-	5.299.308.000
- Công ty CP vận tải và dịch vụ Petrolimex Sài Gòn (*)	-	155.000.000
- Công ty Xăng dầu Đồng Nai (*)	-	1.302.859.545
- Công ty TNHH MTV Xăng Dầu An Giang (*)	-	74.747.909
- Công ty Cổ Phần Xây Lắp 1 - Petrolimex (*)	-	11.720.000
- Xí nghiệp dịch vụ và thương mại - Công ty TNHH Xăng dầu Bà Rịa Vũng Tàu (*)	-	7.227.000
- Công ty Xăng dầu B12 (*)	-	57.000.000
- Xí nghiệp Bán lẻ Xăng dầu - Cty Xăng dầu khu vực II (*)	-	409.090.909
- Tổng Công ty hóa dầu Petrolimex - CTCP - Chi nhánh Hóa dầu Sài Gòn (*)	-	-
- Công ty Xăng dầu Tây Nam Bộ - Chi nhánh Bạc Liêu (*)	-	104.730.132



- Công ty Cổ phần tin học viễn thông Petrolimex	(*)	-	14.000.000
<b>Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ</b>			
- Công ty CP Thiết bị Xăng dầu Petrolimex (Peco)	(*)	-	91.090.000
- Các công ty Kinh doanh xăng dầu khác	(*)	-	51.811.500
- Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	(*)	481.843.671	422.030.400
- Công ty Xăng dầu Khu vực II	(*)	290.787.450.805	170.987.831.868
<b>Nhận tiền cổ tức</b>			
- Công ty TNHH Cơ Khí Gas P.M.G	Công ty liên kết	500.000.000	300.000.000

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	30/06/2014	01/01/2014
		VND	VND
<b>Phải thu tiền hàng</b>			
- Công ty Xăng dầu Bắc Tây Nguyên	(*)	610.244.600	421.910.300
- Công ty Xăng dầu Nam Tây Nguyên	(*)	2.462.543.026	2.675.269.332
- Tổng Công ty hóa dầu Petrolimex - CTP	(*)	757.147.424	946.979.924
- Công ty TNHH hóa chất Petrolimex	(*)	652.740.000	76.725.000
- Công ty Xăng dầu Đồng Nai	(*)	189.276.399	361.282.399
- Công ty Cổ phần Nhiên liệu bay Petrolimex	(*)	136.400.000	41.580.000
- Công ty Xăng dầu Vĩnh Long	(*)	75.300.000	75.300.000
- Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	(*)	26.498.400	20.400.000
- Xí Nghiệp Dịch Vụ Xây Lấp & TM Petrolimex Sài Gòn	(*)	260.227.000	314.919.000
- Công ty Xăng dầu Tiền Giang	(*)	152.502.800	-
- Công ty Xăng dầu Long An	(*)	100.650.000	-
- Công ty TNHH Cung ứng Nhựa Đường	(*)	303.750.000	-
- Công ty Liên doanh TNHH kho xăng dầu ngoại quan Vân Phong	(*)	1.988.741.818	4.478.181.818
- Chi nhánh Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Petrolimex	(*)	2.011.539.324	-
- Công ty Xăng dầu Đồng Tháp	(*)	-	412.588.000
- Công ty Cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex	(*)	-	17.325.000
- Công ty TNHH Xăng dầu Lâm Đồng	(*)	-	590.350.723
- Chi nhánh Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Petrolimex	(*)	-	776.076.172
- Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Petrolimex	(*)	-	132.099.000
- Công ty Xăng dầu Tây Ninh	(*)	-	36.025.000
- Công ty Xăng dầu Long An	(*)	-	100.650.000
- Tổng Công ty Cổ phần bảo hiểm Petrolimex	(*)	-	1.268.650.000
<b>Phải trả ứng trước tiền hàng</b>			
- Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Cổ đông sáng lập	6.440.256.056	12.273.300.689
- Công ty Xăng dầu Tiền Giang	(*)	-	100.000.000
- Công ty Cổ phần Xây Lấp 1 - Petrolimex	(*)	31.500.000	31.500.000
- Công ty Cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Sài Gòn	(*)	1.300.000.000	-
- Công ty Xăng dầu Lâm Đồng	(*)	4.218.473	-
<b>Phải trả tiền hàng</b>			
- Công ty Xăng dầu Khu vực II	(*)	19.006.565.188	11.719.033.888
- Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	(*)	286.699.468	163.073.665
- Công ty Cổ phần Thiết bị xăng dầu	(*)	-	13.820.400
- Chi nhánh Phía Nam - Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Petrolimex	(*)	5.500.000	-

Ghi chú mối quan hệ:

(\*) Các đơn vị cùng Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam

QUY  
NH  
TY  
KIỂM  
AAS  
CTP

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

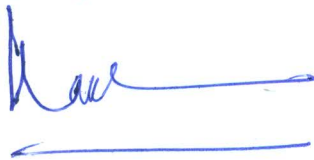
	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
- Thu nhập của HĐQT, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát	821.280.000	789.159.000

### 34 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC soát xét.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2014

Người lập



Trần Văn Phúc

Kế toán trưởng



Hồ Trí Lượng

Giám đốc



Đoàn Đắc Học



# HÃNG KIỂM TOÁN AASC

## **AASC TẠI HÀ NỘI - TRỤ SỞ CHÍNH**

**T:** (84) 4 3824 1990 | **F:** (84) 4 3825 3973

**E:** [aaschn@hn.vnn.vn](mailto:aaschn@hn.vnn.vn)

**A:** Số 1 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

## **AASC TẠI TP HỒ CHÍ MINH**

**T:** (84) 8 3848 5983 - (84) 8 3848 5776 | **F:** (84) 8 3547 1838

**E:** [aaschcm@aasc.com.vn](mailto:aaschcm@aasc.com.vn)

**A:** Số 17 Sông Thương, Phường 2, Quận Tân Bình, Hồ Chí Minh

## **AASC TẠI QUẢNG NINH**

**T:** (84) 33 3627 571 | **F:** (84) 33 3627 572

**E:** [aascqn@aasc.com.vn](mailto:aascqn@aasc.com.vn)

**A:** Số 8 Chu Văn An, Hạ Long, Quảng Ninh